

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG  
HỘI QUY HOẠCH BÌNH ĐỊNH

M.S.D.N: 41014749.06  
TU VẤN CHI SỐ 65 ĐƯỜNG VŨ BẢO, PHƯỜNG NGÔ MÂY, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH  
XÂY DỰNG ĐIỆN THOẠI: 02566266699 - 0914014636 - EMAIL: tuvanhqh@gmail.com

## NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

CÔNG TRÌNH:

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500  
KHU DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG VĨNH SƠN

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ VĨNH SƠN, HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ  
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN VĨNH THẠNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ  
XÂY DỰNG HỘI QUY HOẠCH BÌNH ĐỊNH

Bình Định, Tháng 10 năm 2024.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bình Định, tháng năm 2024

## NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

CÔNG TRÌNH:

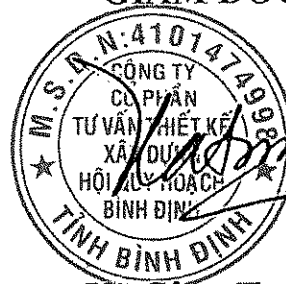
### QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG VĨNH SƠN

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
QUỸ ĐẤT HUYỆN VĨNH THẠNH  
GIÁM ĐỐC



Lê Văn Đính

Đơn vị tư vấn  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG  
HỘI QUY HOẠCH BÌNH ĐỊNH  
GIÁM ĐỐC



Võ Công Tuấn

#### Thành phần thực hiện

Quản lý kỹ thuật	:	THS.KS. Đinh Thị Kim Vân
Trưởng phòng tư vấn	:	KS. Võ Sĩ Trình
Chủ nhiệm đồ án	:	THS.KTS. Võ Công Tuấn
Chủ trì thiết kế quy hoạch Kiến trúc	:	THS.KTS. Võ Công Tuấn
Chủ trì thiết kế quy hoạch San nền + Giao thông	:	KS. Lê Thúc Thuận
Chủ trì thiết kế quy hoạch Cấp điện	:	KS. Hồ Minh Trí
Chủ trì thiết kế quy hoạch Cấp - Thoát nước	:	KS. Võ Văn Tầng



## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH.....</b>	<b>1</b>
<b>I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>1</b>
<b>II. TÍNH CHẤT VÀ MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>2</b>
<b>PHẦN II.....</b>	<b>3</b>
<b>CÁC CĂN CỨ LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH .....</b>	<b>3</b>
<b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ .....</b>	<b>3</b>
<b>II. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU, SỐ LIỆU .....</b>	<b>4</b>
<b>III. CƠ SỞ BẢN ĐỒ.....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH .....</b>	<b>5</b>
<b>I. VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>5</b>
1. Vị trí .....	5
2. Phạm vi ranh giới .....	5
3. Quy mô quy hoạch .....	5
<b>II. CÁC TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>6</b>
1. Hiện trạng khu vực quy hoạch .....	6
2. Địa hình, địa mạo .....	6
3. Khí hậu .....	6
4. Địa chất công trình, địa chất thuỷ văn .....	6
<b>III. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG .....</b>	<b>7</b>
1. Hiện trạng sử dụng đất .....	7
2. Hiện trạng kiến trúc công trình .....	8
2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật .....	8
<b>IV. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN.....</b>	<b>9</b>
1. Thuận lợi .....	9
2. Khó khăn .....	9
<b>PHẦN IV. CÁC YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>10</b>
<b>I. DỰ KIẾN CÁC KHU CHỨC NĂNG QUY HOẠCH .....</b>	<b>10</b>
<b>II. CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH.....</b>	<b>10</b>
1. Chỉ tiêu sử dụng đất .....	10
2. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật .....	10
<b>III. CÁC YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>11</b>
<b>PHẦN V. HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ .....</b>	<b>13</b>

<b>I. HỒ SƠ SẢN PHẨM ĐỒ ÁN QUY HOẠCH.....</b>	<b>13</b>
1. Thành phần hồ sơ bản vẽ của đồ án quy hoạch.....	13
2. Thành phần hồ sơ văn bản .....	14
<b>II. DỰ TOÁN KINH PHÍ.....</b>	<b>14</b>
<b>PHẦN VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>15</b>
<b>I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.....</b>	<b>15</b>
<b>II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>15</b>
<b>III. KẾT LUẬN.....</b>	<b>15</b>

# PHẦN I

## SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH

### I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

Vĩnh Thạnh là huyện nằm phía Tây của tỉnh Bình Định, giáp với bậc thềm Tây Nguyên, cách trung tâm tỉnh là TP Quy Nhơn khoảng 85 km thông qua tuyến ĐT 637. Là vùng có địa hình chuyển tiếp giữa hình thái cao nguyên và đồng bằng châu thổ sông Kôn nên huyện Vĩnh Thạnh có các điều kiện địa hình đặc thù gắn với cảnh quang núi rừng hùng vĩ. Khung thiên nhiên đa dạng gồm có di tích danh lam thắng cảnh, chuỗi hồ đập bậc thang trên sông Kôn (Hồ Định Bình – Hồ Vĩnh Sơn A – Trà Xom...) diện tích rừng tự nhiên lớn được bảo vệ rất tốt và nền văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc Bana là một mảng ghép hoàn hảo, để hoàn thiện liên kết chuỗi sản phẩm du lịch cho vùng phía Nam của tỉnh Bình Định (Du lịch biển đảo – di tích – rừng, dã ngoại, cộng đồng, mạo hiểm,...). Trong những năm gần đây, Vĩnh Thạnh được nhiều du khách gần xa biết đến thông qua hình ảnh hoa trang rừng bên suối Tà Má, vườn hoa Anh Đào tại làng K3, Thành Tà Kơn tại làng K8, xã Vĩnh Sơn, suối nước nóng Vĩnh Thịnh, đây là những thuận lợi cơ bản để Vĩnh Thạnh phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái gắn với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, nâng cấp môi trường du lịch, trình độ dân trí, từng bước nâng cao vị thế du lịch huyện Vĩnh Thạnh.

Việc du khách đến tham quan ngày càng đông tạo nên sự hình thành các sản phẩm du lịch qua hình thức tự phát, tự thích ứng, tự khai thác của người dân mang tính manh mún, nhỏ lẻ; nếu không có cơ chế điều phối, phối hợp, hướng dẫn kịp thời sẽ tạo ra các sản phẩm du lịch nhằm chán, phá vỡ tính đặc thù của địa phương, hạn chế thế mạnh vốn có. Vì vậy quy hoạch xây dựng và phát triển du lịch cộng đồng tại làng K3, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh là cần thiết nhằm phát huy các tiềm năng, lợi thế nêu trên để phát triển hoạt động du lịch tại khu vực, tạo điểm đến mới hấp dẫn, thu hút du khách khi đến Bình Định, đồng thời tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương ở xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 về việc phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035, đề án đã nhân mạnh xã Vĩnh Sơn thuộc Phân khu III (phân vùng bảo tồn và du lịch) là vùng bảo tồn sinh thái rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, ổn định môi trường phòng hộ đầu nguồn; phát triển kinh tế rừng và kết hợp phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, mạo hiểm, du lịch cộng đồng gắn với lợi thế tự nhiên sẵn có của khu vực.

Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thạnh khóa XII, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) đã phê duyệt quyết định số 16/NQ-HĐND ngày 16/9/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C khởi công mới sử dụng vốn đầu tư công ngân sách huyện Vĩnh Thạnh.

Từ các nội dung nêu trên, việc lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

## **II. TÍNH CHẤT VÀ MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 đã được UBND huyện Vĩnh Thạnh phê duyệt tại quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 20/7/2023.

- Cụ thể hóa Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

- Phát triển du lịch cộng đồng tại làng K3, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương theo hướng giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, giữ gìn và tôn tạo cảnh quan thiên nhiên. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, kêu gọi thu hút đầu tư hình thành các điểm tham quan du lịch trọng tâm; nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Là cơ sở để xây dựng mô hình thí điểm, cơ chế quản lý để phát triển du lịch cộng đồng tại làng K3 và các địa bàn khác trong tỉnh.

- Làm cơ sở để quản lý xây dựng và triển khai các dự án đầu tư theo quy định.



## PHẦN II

### CÁC CĂN CỨ LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

#### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định;
- Hướng dẫn số 38/HĐ-SXD ngày 12/9/2019 của Sở Xây dựng Bình Định hướng dẫn Lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;
- Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh;
- Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND huyện Vĩnh Thạnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;
- Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;
- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 16/9/2024 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C khởi công mới sử dụng vốn đầu tư công ngân sách huyện Vĩnh Thạnh;
- Quyết định số 84/QĐ-BQL ngày 16/10/2024 của Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Thạnh về việc phê duyệt Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn, địa điểm: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 93/QĐ-BQL ngày 22/10/2024 của Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Thạnh về việc chỉ định đơn vị nhận thầu gói thầu Khảo sát lập bản đồ địa hình, lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn, địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh.

- Thông báo số 1669-TB/TU ngày 05/11/2024 của Tỉnh ủy Bình Định kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất chủ trương để UBND huyện Vĩnh Thạnh tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để kêu gọi đầu tư đối với các dự án: Khu du lịch sinh thái cộng đồng Tà Má – Hà Ri, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối Nước nóng, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn.

## **II. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU, SỐ LIỆU**

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng số 01:2021/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông số 07:2023/BXD;
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế công trình khác có liên quan;
- Các tài liệu số liệu về điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tình hình phát triển kinh tế xã hội khu vực lập đồ án.

## **III. CƠ SỞ BẢN ĐỒ**

- Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;
- Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh;
- Bản đồ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 khu vực quy hoạch.

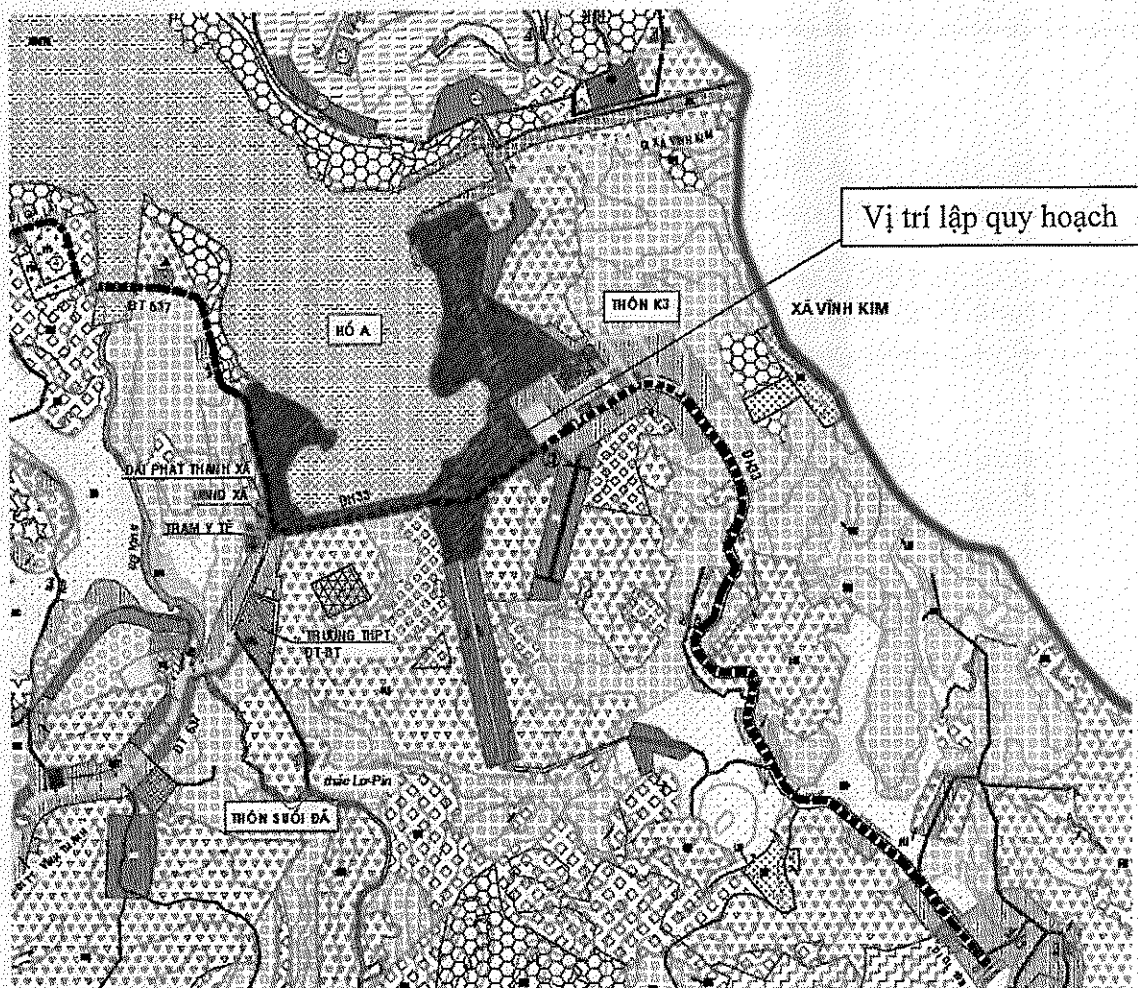
# PHẦN III

## NỘI DUNG NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH

### I. VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH

#### 1. Vị trí

Khu vực lập quy hoạch tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.



Hình 1. Vị trí khu đất lập quy hoạch

#### 2. Phạm vi ranh giới

Khu đất quy hoạch có giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông : Giáp khu dân cư thôn K3;
- Phía Tây : Giáp Hồ A – Vĩnh Sơn;
- Phía Nam : Giáp đất rừng sản xuất;
- Phía Bắc : Giáp đất rừng sản xuất.

#### 3. Quy mô quy hoạch

Quy mô diện tích quy hoạch: Khoảng 28,5ha.

## II. CÁC TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

### 1. Hiện trạng khu vực quy hoạch

Khu vực quy hoạch hiện trạng chủ yếu gồm có đất sản xuất, đất rừng phòng hộ và một vài hạng mục kiến trúc công trình công cộng hệ thống đường giao thông và kè bảo vệ lòng hồ A.

### 2. Địa hình, địa mạo

Khu vực quy hoạch là đồi núi, có địa hình không bằng phẳng thấp dần về vị trí hồ A.

### 3. Khí hậu

Nằm trong khu vực nhiệt đới nóng ẩm, thuộc khí hậu ven biển Nam Trung Bộ, được chia làm 2 mùa rõ rệt trong năm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng 12, mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8.

- *Nhiệt độ không khí*: Theo số liệu thống kê hàng năm cho thấy nhiệt độ trung bình hàng năm dao động trong khoảng 20,1-26,1oC. Nhiệt độ cao nhất là 39 oC; nhiệt độ thấp nhất là 16,5 oC.

- *Lượng mưa*: Tổng lượng mưa trung bình năm là 2.000 - 2.400mm, mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, ngoài ra còn có thêm một mùa mưa phụ tháng 5 - 8 do ảnh hưởng của mùa mưa Tây Nguyên. Mùa khô kéo dài tháng 1 - 8.

- *Độ ẩm*: Độ ẩm trung bình trong năm khoảng 81%; tháng 10, tháng 11, tháng 12 là các tháng có độ ẩm trung bình cao nhất trong năm khoảng 92%; từ tháng 5 đến tháng 7 có độ ẩm trung bình thấp nhất khoảng 22,5%.

- *Gió, bão*: Vĩnh Thạnh nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông và gió mùa hạ.

+ *Gió mùa Đông*: Hướng gió thịnh hành thổi theo hướng Tây Bắc đến Bắc.

+ *Gió mùa hạ*: Hướng gió thịnh hành trong nửa đầu mùa hạ là hướng Đông đến Đông Nam và nửa cuối mùa hạ là hướng Tây đến Tây Nam. Tốc độ gió bình quân là 2,1m/s. Bão xuất hiện chủ yếu ở các tháng 9, 10 và tháng 11, trong đó có khả năng xảy ra bão tập trung vào tháng 10 là lớn nhất. Tuy nhiên, hiện tượng này diễn ra tương đối phức tạp và không theo quy luật của cả năm.

### 4. Địa chất công trình, địa chất thủy văn

- *Địa chất công trình*: Trong vùng nghiên cứu quy hoạch chưa có khoan thăm dò địa chất công trình. Vì vậy khi xây dựng công trình cần phải khoan thăm dò địa chất cục bộ để làm cơ sở thiết kế xây dựng.

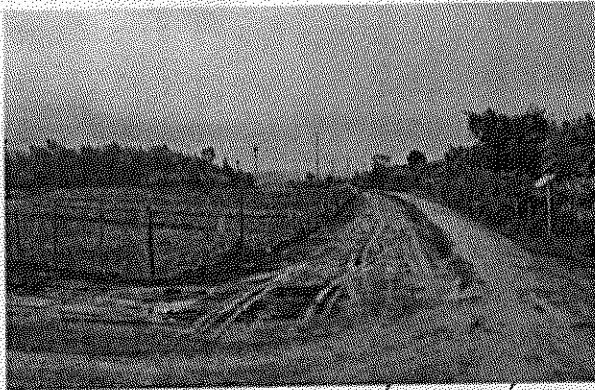
- *Địa chất thủy văn*: Khu vực lập quy hoạch giáp ranh với hồ A, thủy văn khu vực chủ yếu là nước mặt vào mùa mưa theo các tuyến mương hiện trạng và địa hình tự nhiên thoát về hồ A.



### III. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG

#### 1. Hiện trạng sử dụng đất

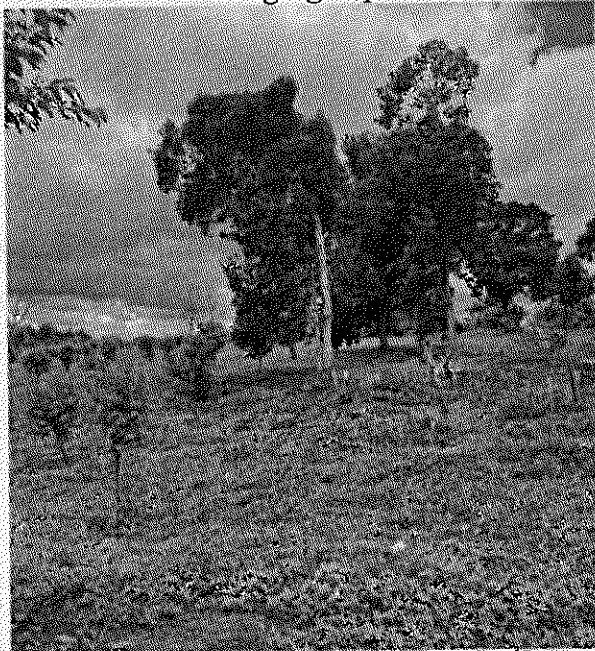
Khu vực lập quy hoạch hiện trạng chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 68% tổng diện tích toàn khu, phần còn lại là đất xây dựng công trình, đất rừng phòng hộ, đất cây xanh, đất giao thông và HTKT.



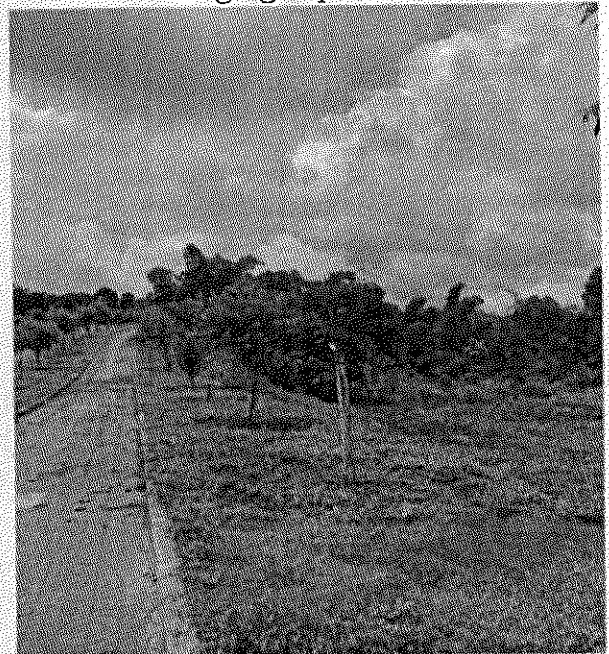
Hình 2. Hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp



Hình 3. Hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp dọc hồ



Hình 4. Hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp dọc hồ



Hình 5. Hiện trạng lối đi bộ dọc đường



Hình 6. Hiện trạng kè bảo vệ hồ và đường ĐH33

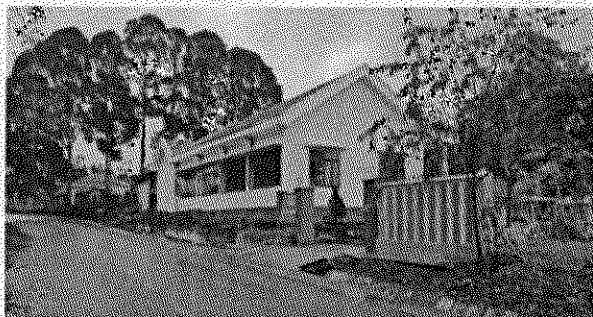


Hình 7. Đường ĐH33

## 2. Hiện trạng kiến trúc công trình

Khu vực lập quy hoạch có các hạng mục công trình công cộng và các công trình khác cụ thể như: Hạt kiểm lâm Vĩnh Sơn, trạm Radar quản lý bảo vệ rừng, trạm Kiểm lâm, nhà sàn, nhà ở, nhà tạm.

- Công trình công cộng khoảng: 1.327m<sup>2</sup>;
- Công trình nhà ở khoảng: 288m<sup>2</sup>;
- Nhà tạm khoảng: 165m<sup>2</sup>.



Hình 7. Hiện trạng công trình Hạt kiểm lâm Vĩnh Sơn



Hình 8. Hiện trạng công trình nhà Rông

## 2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

### 2.1. Cao độ nền, thoát nước

- *Cao độ nền*: Khu vực lập quy hoạch có địa hình là đồi núi vì vậy có cao độ hiện trạng không đồng đều, cao nhất tại vị trí phía Bắc có cao độ +791,00 và thấp dần về phía Nam có cao độ +775,78 đồng thời thấp về hướng hồ A có cao độ +771,72.

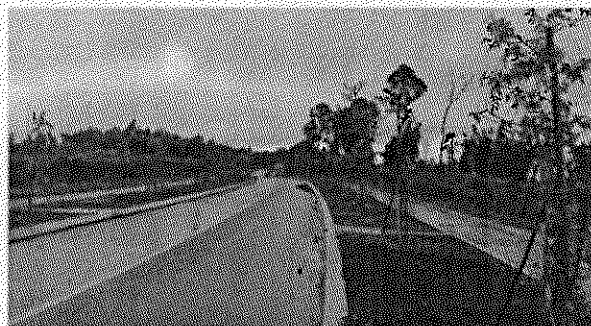
- *Thoát nước mưa*: Nước mưa chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên từ Đông sang Tây, phần còn lại nước được thu vào các mương thu nước đã được đầu tư và thoát về phía Nam khu vực quy hoạch.

### 2.2. Giao thông

Hệ thống giao thông đã được đầu tư cơ bản gồm có tuyến Tỉnh lộ 673 có mặt đường rộng 7m là tuyến giao thông đối ngoại kết nối các xã với nhau, các tuyến giao thông đối nội với bề rộng mặt đường từ 6-7m



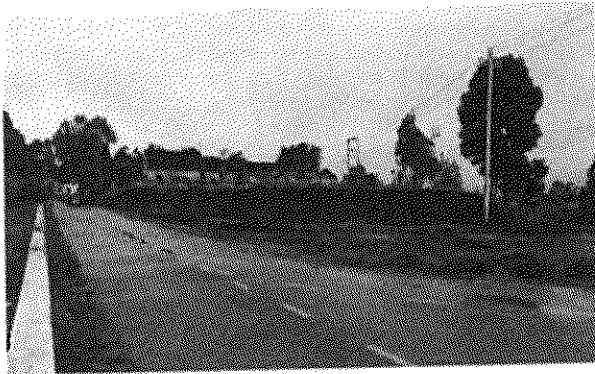
Hình 9. Đường Tỉnh lộ 637 trước UBND xã



Hình 10. Đường nhựa đối nội

### 2.3. Cấp điện

Hiện tại dọc theo tuyến đường Tỉnh lộ 637 đã có tuyến điện 22kV và các tuyến 0,4kV phục vụ các khu dân cư lân cận.



Hình 11. Tuyến 22kV hiện trạng



Hình 12. Tuyến 22kV hiện trạng

### 2.4. Cấp nước

Hiện tại khu vực lập quy hoạch đang sử dụng giếng khoan để cấp nước sinh hoạt, chưa có hệ thống cấp nước sạch chung cho toàn xã.

### 2.5. Thoát nước thải

Hệ thống thoát nước chưa được đầu tư xây dựng.

### 2.6. Vệ sinh môi trường

Hiện nay rác thải, chất thải rắn tại khu vực lập quy hoạch chưa được thu gom xử lý tập trung, vẫn đang được xử lý cục bộ theo từng cơ quan, hộ gia đình...

## IV. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

### 1. Thuận lợi

Khu đất quy hoạch nằm ở vị trí trung tâm xã Vĩnh Sơn, có khí hậu mát mẻ địa hình không quá dốc và các tuyến giao thông quan trọng đi qua thuận lợi để phát triển dịch vụ - du lịch.

### 2. Khó khăn

- Khu vực đồi dốc nên khó khăn trong việc khống chế các cao độ để thiết kế. Hệ thống HTKT khung chưa được đầu tư.

- Vì nằm bên cạnh hồ A, nên cần tính toán cụ thể các cao trình để tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.





## PHẦN IV

### CÁC YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH

#### I. DỰ KIẾN CÁC KHU CHỨC NĂNG QUY HOẠCH

Trên cơ sở quỹ đất khu vực quy hoạch có diện tích khoảng 28,5ha, tiến hành bố trí các khu chức năng cơ bản như sau:

- Khu công cộng: Chính trang các khu đất xây dựng trụ sở cơ quan hiện trạng. Bố trí quỹ đất xây dựng khu sinh hoạt văn hóa.
- Khu bảo vệ, tôn tạo cảnh quan mặt nước lòng hồ A.
- Khu đất dịch vụ du lịch: Bố trí quỹ đất xây dựng nhà quản lý điều hành, khu lưu trú nghỉ dưỡng, khu ẩm thực, khu thương mại (buôn bán hàng lưu niệm và các đặc sản địa phương...), khu vui chơi giải trí.
- Khu cây xanh cảnh quan: Bố trí quỹ đất xây dựng các khu vườn ươm, vườn dược liệu và các khu cây xanh cảnh quan đặc trưng như hoa Anh Đào và một số cây xanh, thảm cỏ khác.
- Khu xây dựng các công trình phụ trợ và HTKT: Các bãi đậu xe, hệ thống công trình giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, thu gom rác thải, PCCC... và hành lang bảo vệ lòng hồ.

Dự kiến công suất phục vụ khách du lịch: 500-600 người/ngày.

#### II. CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

##### 1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất đảm bảo theo QCVN 01/2021/BXD được quy định cụ thể như sau: Mật độ xây dựng gộp tối đa của các khu du lịch – nghỉ dưỡng là 25%.

##### 2. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu được áp dụng theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn khác có liên quan.

##### 2.1. Chỉ tiêu về cấp điện

- Phụ tải điện cho công trình xây dựng : 30W/m<sup>2</sup> sàn;
- Phụ tải điện chiếu sáng đường giao thông : 1W/m<sup>2</sup>;
- Phụ tải điện chiếu sáng công viên vườn hoa : 0,5W/m<sup>2</sup>;
- Dự phòng + hao tổn : 10%
- Hệ số đồng thời : Kđt = 0,6 - 0,7.

##### 2.2. Chỉ tiêu về cấp nước

- Nước cho các công trình xây dựng (Qcc) : 2lít/m<sup>2</sup>/sàn/ng.đêm.
- Nước tưới vườn hoa, công viên : 3 lít/m<sup>2</sup>/ng.đêm.

- Nước rửa đường : 0,4 lít/ m<sup>2</sup>/ng.đêm.
- Nước thất thoát, rò rỉ : 10% SQcc.

### **2.3. Chỉ tiêu về thoát nước thải**

- Nước thải sinh hoạt cho các công trình xây dựng :  $\geq 80\%$  Qcc.
- Nước thấm thấu :  $10\% \Sigma Q$ .

## **III. CÁC YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH**

Thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; cụ thể:

1. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có liên quan đến khu vực lập quy hoạch.

2. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực lập quy hoạch.

3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định chức năng từng khu quy hoạch; xác định mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với tầng lô đất và trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo cảnh quan không gian sinh động, hài hòa và đồng bộ với khu dân cư hiện hữu. Xác định chiều cao cốt sàn tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác cho từng lô đất; Thiết kế hệ thống cây xanh cảnh quan và phát triển hệ thống cây xanh phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

5. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các khu dân cư hiện hữu xung quanh. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, bao gồm các nội dung sau:

- Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa: Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất; xác định lưu vực thoát nước mưa, từ đó đưa ra giải pháp thoát nước phù hợp với hệ thống kênh nước và các lưu vực đã xác định trong Quy hoạch phân khu. Có giải pháp đầu nối và xử lý thoát nước với khu vực lân cận.

- Quy hoạch hệ thống giao thông: Xác định mạng lưới giao thông phù hợp, chiều dài, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

- Quy hoạch hệ thống cấp nước: Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước sinh hoạt, phòng cháy chữa cháy; vị trí đầu nối, quy mô công trình nhà máy; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết.

- Quy hoạch hệ thống cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí đầu nối, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng.

- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: Xác định chỉ tiêu, nhu cầu về thông tin liên lạc; xác định mạng chuyên mạch, mạng dịch vụ viễn thông, mạng ngoại vi và hệ thống truyền dẫn (nếu có) trong khu quy hoạch.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Xác định các chỉ tiêu về thoát nước, CTR, hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng (nước mưa riêng). Căn cứ nhu cầu dùng nước, tính toán lượng nước thải hợp lý. Thiết kế mạng lưới đường ống thu gom nước thải của khu vực. Xác định khu vực tập trung rác. Tính toán quy mô, lựa chọn vị trí và phương án thu gom rác thải hợp lý.

#### 6. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

- Dự báo, đánh giá tác động môi trường của phương án quy hoạch;

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện.

7. Sơ bộ xác định nhu cầu vốn và đề xuất nguồn lực thực hiện.



## PHẦN V

# HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

### I. HỒ SƠ SẢN PHẨM ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

#### 1. Thành phần hồ sơ bản vẽ của đồ án quy hoạch

a) Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất: thể hiện theo tỷ lệ thích hợp trên nền sơ đồ định hướng phát triển không gian của quy hoạch chung xây dựng khu chức năng (nếu có), sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt.

b) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

c) Các bản đồ hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Giao thông, cung cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước thải; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và môi trường. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

d) Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

đ) Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

e) Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng. Bản vẽ thể hiện trên nền sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan kết hợp theo bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

g) Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: Chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp năng lượng và chiếu sáng, thoát nước, quản lý chất thải rắn, hạ tầng viễn thông thụ động và công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Bản vẽ thể hiện trên nền sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

h) Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật. Bản vẽ thể hiện trên nền sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

i) Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có). Thể hiện trên nền sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan kết hợp bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

k) Các bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch. Thể hiện trên nền sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan theo tỷ lệ thích hợp.

## 2. Thành phần hồ sơ văn bản

- Thuyết minh quy hoạch.
- Phụ lục kèm theo (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán và các văn bản pháp lý liên quan).
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng.
- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án.

## II. DỰ TOÁN KINH PHÍ

**Chi phí lập đồ án quy hoạch: 1.466.581.000 đồng. (Xem dự toán chi tiết kèm theo)**

*Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi một nghìn đồng.*

*Trong đó:*

- Lập thiết kế quy hoạch:	832.890.000 đồng
- Lập nhiệm vụ quy hoạch:	71.624.000 đồng
- Chi phí khảo sát địa hình:	245.343.000 đồng
- Chi phí khác:	316.724.000 đồng
+ <i>Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:</i>	<i>13.264.000 đồng</i>
+ <i>Thẩm định đồ án quy hoạch:</i>	<i>62.977.000 đồng</i>
+ <i>Quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch:</i>	<i>59.321.000 đồng</i>
+ <i>Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng:</i>	<i>15.423.000 đồng</i>
+ <i>Công bố quy hoạch:</i>	<i>24.987.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán:</i>	<i>6.922.000 đồng</i>
+ <i>Cấm mốc giới quy hoạch (tạm tính):</i>	<i>100.000.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí giám sát công tác khảo sát:</i>	<i>9.990.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu kết quả KS:</i>	<i>7.360.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí lập hồ sơ mời thầu:</i>	<i>3.240.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu:</i>	<i>3.240.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu:</i>	<i>2.000.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:</i>	<i>3.000.000 đồng</i>
+ <i>Chi phí giải quyết kiến nghị nhà thầu:</i>	<i>5.000.000 đồng</i>

## **PHẦN VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

- Quý IV/2024: Trình thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch.
- Hoàn thành hồ sơ sản phẩm thiết kế quy hoạch: 60 ngày làm việc sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

#### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Phê duyệt Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch: UBND huyện Vĩnh Thạnh.
- Thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Thạnh.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh.
- Đơn vị tư vấn lập Nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng Hội Quy hoạch Bình Định.

#### **III. KẾT LUẬN**

Trên đây là nội dung Nhiệm vụ quy hoạch của đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn. Kính đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Thạnh thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.







**CÔNG TY CP TVTKXD**  
**HỘI QUY HOẠCH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH**

**Đề án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn  
**Địa điểm:** Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

**I. CĂN CỨ LẬP DỰ TOÁN**

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công

**II. DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH**

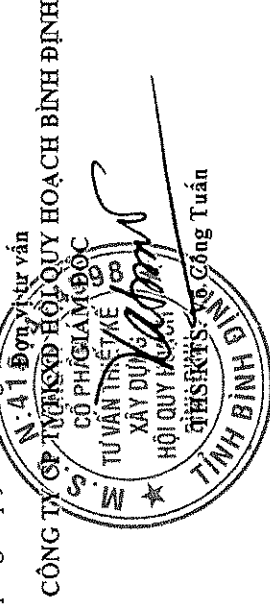
**Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch:**

**Bảng chi:** Một tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi một nghìn đồng /.

**1.466.581.000 đồng**

Bao gồm:

1 Chi phí lập thiết kế quy hoạch:	832.890.000 đồng
2 Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	71.624.000 đồng
3 Chi phí khảo sát địa hình:	245.343.000 đồng
4 Chi phí khác:	316.724.000 đồng
- Chi phí thăm định nhiệm vụ quy hoạch:	13.264.000 đồng
- Chi phí thăm định đồ án quy hoạch:	62.977.000 đồng
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	59.321.000 đồng
- Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng:	13.423.000 đồng
- Chi phí công bố quy hoạch:	24.987.000 đồng
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	6.922.000 đồng
- Chi phí cắm mốc giới ra thực địa (tạm tính):	100.000.000 đồng
- Chi phí giám sát công tác khảo sát	9.990.000 đồng
- Chi phí thăm định, kiểm tra, nghiệm thu kết quả KS	7.360.000 đồng
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu	3.240.000 đồng
- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	3.240.000 đồng
- Chi phí thăm định hồ sơ mời thầu	2.000.000 đồng
- Chi phí thăm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000 đồng
- Chi phí giải quyết khiếu nại, nhà thầu	5.000.000 đồng



TÍNH DỰ TOÁN

KS. Huỳnh Thị Phương Dung  
KSDG hạng II số: BDI-00039594



**BẢNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH**

**I. CHI PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH**

Quy mô quy hoạch:

Loại quy hoạch:

Tỷ lệ quy hoạch:

Định mức tính toán chi phí lập đồ án quy hoạch áp dụng theo "Bảng số 8, phụ lục I trong Thông tư số 20/2019/TT-BXD"

28,50

ha

Quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng

1/500

STT	Nội dung công việc	Quy mô (ha)		Đơn giá	Hệ số	Thành tiền	
		Định mức chi phí (đồng/ha)	≤ 30			(Số lẻ)	(Làm tròn)
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất theo tỷ lệ thích hợp	675.400.000	788.100.000				
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500						
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/500						
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500						
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, tỷ lệ 1/500						
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chi giới đường đỏ, chi giới xây dựng, tỷ lệ 1/500	28,50		771.195.000	100%	771.195.000	771.195.000
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, tỷ lệ 1/500						
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500						
9	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có)						
10	Các bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch						
Chi phí lập đồ án quy hoạch trước thuế:						771.195.000	771.195.000
Thuế giá trị gia tăng VAT:						61.695.600	61.695.000
Chi phí lập đồ án quy hoạch sau thuế:						832.890.600	832.890.000
Bảng chữ: Tám trăm ba mươi hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng./.							



**II. CHI PHÍ LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

STT	Nội dung công việc	Công thức tính toán		Thành tiền	
		Quy mô (ha)	<20	(Số lẻ)	(Làm tròn)
	Định mức chi phí (đồng/ha)	60.930.000	67.270.000		
	Quy mô (ha)	28,50			
	Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch trước thuế:			66.319.000,0	66.319.000,0
	Thuế giá trị gia tăng VAT:		8%	5.305.520,0	5.306.000,0
	Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch sau thuế:			71.624.520,0	71.624.000,0
	Bảng chữ: Bay mười một triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng/.				245.343.000,0
	Xem dự toán khảo sát chi tiết				

**III. CHI PHÍ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**

**IV. CHI PHÍ KHÁC**

STT	Nội dung công việc	Công thức tính toán		Thành tiền	
		(Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch trước thuế x tỷ lệ % theo Thông tư 20/2019/TT-BXD)		(Số lẻ)	(Làm tròn)
1	Chi phí thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch	= 66.319.000 x 20%		13.263.800,0	13.264.000,0
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	(Chi phí lập Đồ án quy hoạch trước thuế x tỷ lệ % theo Thông tư 20/2019/TT-BXD)		62.976.534,9	62.977.000,0
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	= 771.195.000 x 8,17%		59.321.090,6	59.321.000,0
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	(Chi phí lập Đồ án quy hoạch trước thuế x tỷ lệ % theo Thông tư 20/2019/TT-BXD Không vượt quá 2% chi phí lập đồ án, nhưng không dưới 5000.000,0 đồng)	1	15.423.900,0	15.423.000,0
5	Chi phí công bố quy hoạch	(Chi phí lập Đồ án quy hoạch trước thuế x tỷ lệ % theo Thông tư 20/2019/TT-BXD Không vượt quá 3% chi phí lập đồ án, nhưng không dưới 5000.000,0 đồng)		24.986.718,0	24.987.000,0
6	Chi phí cắm mốc giới ra thực địa (tạm tính)	= 40 mốc x 2500000/mốc		100.000.000,0	100.000.000,0
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát	= 245.343.000 x 4,072%		9.990.367,0	9.990.000,0
8	Chi phí thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu kết quả khảo sát	= 245.343.000,0 x 3%		7.360.290,0	7.360.000,0
9	Chi phí lập hồ sơ môi trường (Nghị định 24/2024/NĐ-CP. Mức tối thiểu 3.000.000đ)	= 771.195.000,0 x 0,20%	x 1,08	3.000.000,0	3.240.000,0
10	Chi phí đánh giá bổ sơ dự thảo (Nghị định 24/2024/NĐ-CP. Mức tối thiểu 3.000.000đ)	= 771.195.000,0 x 0,20%	x 1,08	3.000.000,0	3.240.000,0
11	Chi phí thẩm định hồ sơ môi trường (tối thiểu 2.000.000đ)	= 771.195.000,0 x 0,10%		771.195,0	2.000.000,0
12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP. Mức tối thiểu 3.000.000đ)	= 771.195.000,0 x 0,10%	x	771.195,0	3.000.000,0
13	Chi phí giải quyết kiến nghị nhà thầu (tối thiểu 5.000.000đ)	= 771.195.000,0 x 0,03%	x	231.358,5	5.000.000,0
	<b>Tổng cộng</b>			<b>301.096.469,0</b>	<b>309.802.000,0</b>
	Bảng chữ: Ba trăm linh chín triệu, tám trăm linh hai nghìn đồng/.				

**IV. CHI PHÍ THÂM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**

	(Chi phí tổng dự án bao gồm "Thiết kế quy hoạch, Nhiệm vụ quy hoạch và Chi phí khác" sau thuế x tỷ lệ % theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP)				
	= 1.214.316.000 x 0,57%			6.921.601,2	6.922.000,0
	Bảng chữ: Sáu triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng/.				



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/NQ-HĐND

Vĩnh Thạnh, ngày 16 tháng 9 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C khởi công mới  
sử dụng vốn đầu tư công ngân sách huyện Vĩnh Thạnh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C khởi công mới sử dụng vốn đầu tư công ngân sách huyện Vĩnh Thạnh; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-KTXH ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C khởi công mới sử dụng vốn đầu tư công ngân sách huyện Vĩnh Thạnh, cụ thể như phụ lục 01, 02 kèm theo.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật:

1. Chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện: Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo tránh trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả và tổ chức triển khai thực hiện; xác định nguồn gốc đất đai, xây dựng phương án, kinh phí giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành; trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; trong công tác lập, trình phê duyệt dự án cần lưu ý thực hiện (hoặc giải trình việc không thực hiện) ý kiến của các phòng, ban đã đóng góp tại bước lập, trình, thẩm định và quyết định đầu tư dự án.

2. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của các dự án, tăng cường kiểm tra, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách; tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình đầu tư xây dựng công trình; hướng dẫn, phối hợp cùng Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; giải quyết các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi giúp Chủ đầu tư hoàn thành dự án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

3. Trong công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm cần cân đối nguồn vốn ngân sách cấp huyện theo tiến độ đảm bảo hoàn thành các dự án theo thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu QH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện và các tổ chức thành viên;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XII;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- TT HĐND; UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, K2, HSKH (70 bản). *ky*

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Kế Đẩu*



**PHỤ LỤC 01**  
**Chủ trương đầu tư, nguồn vốn dự án đầu tư**  
**Công trình: Xây dựng hệ thống điện cho thôn O2, xã Vĩnh Kim,**  
**huyện Vĩnh Thạnh**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 16 tháng 9 năm 2024*  
*của HĐND huyện Vĩnh Thạnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.560,333</b>			
<b>I</b>	<i>Nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện năm 2024 (nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2024)</i>					
<b>a</b>	<b>Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật</b>		<b>2.560,333</b>			
<b>1</b>	Xây dựng hệ thống điện cho thôn O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Kim	2.560,333	2024 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	

*ML*

**DỰ ÁN**  
**XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỆN CHO THÔN O2, XÃ VĨNH KIM,**  
**HUYỆN VĨNH THẠNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 16 tháng 9 năm 2024  
của HĐND huyện Vĩnh Thạnh)*

**1. Sự cần thiết đầu tư**

Thôn O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh là địa bàn đặc biệt khó khăn của huyện, nằm biệt lập trong khu vực địa hình độ dốc lớn, điều kiện giao thông cách trở nên chưa có hệ thống lưới điện quốc gia, người dân cần thiết có nguồn điện sử dụng sinh hoạt, sản xuất.

**2. Quy mô đầu tư**

Xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất khoảng 33kWp có kèm theo bộ lưu trữ điện; máy phát điện diesel loại 3 pha, công suất 30kVA và cải tạo lại hệ thống điện hạ áp để cấp điện lại cho các hộ dân và cơ quan, trường học ở địa phương.

**3. Hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội**

Đầu tư Xây dựng hệ thống điện cho thôn O2 để người dân có nguồn điện sử dụng ổn định lâu dài hơn, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân thôn O2.

**4. Dự án nhóm: Nhóm C.**

**5. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND huyện Vĩnh Thạnh.**

**6. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh.

**7. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh.**

**8. Tổng mức đầu tư dự án: 2.560.333.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).**

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện năm 2024 (nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2024).

**10. Ngành, lĩnh vực, cấp công trình: Công trình Công nghiệp - Cấp IV.**

**11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2025.**

**12. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư xây dựng mới.**

KA

**PHỤ LỤC 02**  
**Chủ trương lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500**  
**và kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển**  
**các dự án nhóm C khởi công mới năm 2024**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 16 tháng 9 năm 2024*  
*của HĐND huyện Vĩnh Thạnh)*

*Dvt: Triệu đồng*

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2024	Quy mô xây dựng	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	<b>Tổng cộng</b>		250,0			
<b>I</b>	<b>Nguồn cấp quyền sử dụng đất huyện bố trí</b>		250,0			
<b>a</b>	<b>Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật</b>		250,0			
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái cộng đồng Tà Má - Hà Ri	Vĩnh Hiệp	50,0	39,3 ha	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối Nước nóng	Vĩnh Thịnh	50,0	9,23 ha	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tà Súc (giai đoạn 3)	Vĩnh Quang	50,0	35,5 ha	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Sân vận động huyện Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh	50,0	6,0 ha	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn	Vĩnh Sơn	50,0	28,5 ha	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	

MR



2. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh.

4. Quy mô, diện tích đầu tư quy hoạch:

a) Khu đất quy hoạch tại xã Vĩnh Sơn, có giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Khu dân cư thôn K3.

- Phía Tây giáp: Hồ A - Vĩnh Sơn.

- Phía Nam giáp: Đất rừng sản xuất.

- Phía Bắc giáp: Đất rừng sản xuất.

b) Diện tích quy hoạch: 28,5ha.

5. Nội dung công việc và giá trị Dự toán chuẩn bị đầu tư:

STT	Nội dung chi phí	Số tiền	ĐVT
1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>1.153.179.000</b>	<b>đồng</b>
1	Chi phí lập quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	832.890.000	đồng
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	71.624.000	đồng
3	Chi phí khảo sát lập bản đồ địa hình	245.343.000	đồng
<b>II</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>316.724.000</b>	<b>đồng</b>
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết	13.264.000	đồng
2	Chi phí thẩm định quy hoạch chi tiết	62.977.000	đồng
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch chi tiết	59.321.000	đồng
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư	15.423.000	đồng
5	Chi phí công bố quy hoạch	24.987.000	đồng
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	6.922.000	đồng
7	Chi phí cắm mốc giới theo quy hoạch	100.000.000	đồng
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát	9.990.000	đồng
9	Chi phí thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu kết quả khảo sát	7.360.000	đồng
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	3.240.000	đồng
11	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	3.240.000	đồng
12	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	2.000.000	đồng

UBND HUYỆN VĨNH THẠNH  
BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84 /QĐ-BQL

Vĩnh Thạnh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư và  
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500

Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn

Địa điểm: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

## GIÁM ĐỐC

### BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ HUYỆN VĨNH THẠNH

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Hướng dẫn số 38/HD-SXD ngày 12/9/2019 của Sở Xây dựng Bình Định về việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-HĐND ngày 16/9/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thạnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C khởi công mới sử dụng vốn đầu tư công ngân sách huyện Vĩnh Thạnh,

Theo đề nghị của Tổ Thẩm định tại Báo cáo số 12/BCTĐ-TTĐ ngày 15/10/2024 về Báo cáo thẩm định Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng công trình.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn.

13	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000	đồng
14	Chi phí giải quyết kiến nghị nhà thầu	5.000.000	đồng
	<b>TỔNG CỘNG (I + II)</b>	<b>1.466.581.000</b>	<b>đồng</b>
<i>(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi một nghìn đồng)</i>			

*(Chi tiết theo kết quả thẩm định Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng đã được Tổ thẩm định thẩm định tại Báo cáo số 12/BCTĐ-TTĐ ngày 15/10/2024)*

6. Nguồn vốn: Đầu tư công do tỉnh, huyện quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2024-2025.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Phê duyệt như phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Giao Tổ Quản lý dự án căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Phó Giám đốc, Tổ Quản lý dự án và Tổ trưởng các tổ và các cơ quan có liên quan tùy theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- GD, các PGD Ban QLDA;
- Tổ trưởng các tổ;
- Lưu: VT, HSCT.



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Đính**

**Phụ lục**  
**Về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**  
**Công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn**  
**Địa điểm: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Báo cáo thẩm định số: .../BCTĐ-TTĐ ngày .../10/2024 của Tổ thẩm định)*

ST T	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đầu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1		Khảo sát lập bản đồ địa hình, lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Khảo sát lập bản đồ địa hình, lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	316.967.000		Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Quý IV/2024	Trọn gói	15 ngày	Không	Không
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT theo thiết kế đã duyệt đúng với các quy định của pháp luật	6.480.000	Đầu tư công do tỉnh, huyện quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Quý IV/2024	Trọn gói	60 ngày	Không	Không
3		Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Thiết kế quy hoạch đầu nói hạ tầng kỹ thuật xung quanh để xây dựng công trình	832.890.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	60 ngày	Quý IV/2024 - Quý I/2025	Trọn gói	60 ngày	Không	Không
4		Cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng	Thi công cắm mốc giới quy hoạch ra thực địa	100.000.000		Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Quý IV/2024 - Quý I/2025	Trọn gói	15 ngày	Không	Không
				<b>Tổng cộng:</b>									
				<b>1.256.337.000</b>									

**Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng.**